



GS Phan Huy Lê, những năm 60 của thế kỷ XX.
Ảnh Tư liệu

GIÁO SƯ PHAN HUY LÊ MỘT NHÂN CÁCH LỚN, MỘT SỬ GIA NỔI TIẾNG, BẬC DANH SƯ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

Giáo sư, Viện sĩ thông tấn, Nhà giáo nhân dân Phan Huy Lê sinh ngày 23-2-1934, tại làng Thu Hoạch, nay là xã Thạch Châu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Giáo sư mất ngày 23-6-2018, tại Hà Nội. Cả họ nội và họ ngoại của Giáo sư đều có truyền thống khoa bảng và sản sinh ra nhiều danh nhân văn hóa cho đất nước.

Thân phụ của Giáo sư là Phan Huy Tùng (1878-1939) đỗ Tiến sĩ khoa Quý Sửu (1913) đời vua Duy Tân⁽¹⁾. Dòng họ Phan Huy gốc ở Hà Tĩnh là một dòng họ nổi tiếng, không những có truyền thống khoa bảng, mà còn có tài năng xuất sắc về văn học và sử học.

NGUYỄN MINH TƯỜNG

Nếu tính từ đời thứ 7, Tiến sĩ Phan Huy Cận (1722-1789) là vị tổ khai khoa của dòng họ, đến đời thứ 9, thì có 3 người đỗ Tiến sĩ và 6 tác gia tiêu biểu, là:

1. Phan Huy Cận: đỗ Tiến sĩ khoa Giáp Tuất (1754) đời Lê Hiến Tông.

2. Phan Huy Ích: đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1775) đời Lê Hiến Tông.

Tác phẩm có: - *Dụ Am văn tập*
- *Dụ Am ngâm lục*
- *Lịch triều điển cổ*
- *Chinh phụ ngâm diễn âm khúc*

3. Phan Huy Ôn: đỗ Tiến sĩ khoa Kỷ Hợi (1779) đời Lê Hiến Tông.

Tác phẩm có: - *Khoa bảng tiêu ký*
- *Liệt huyện đăng khoa khảo*
- *Chỉ Am thi tập*
- *Nghệ An tạp ký*
- *Thần quật ký*
- *Chỉ minh lập thành toán pháp*

4. Phan Huy Sảng: đỗ Hương cống năm Kỷ Hợi (1779) đời Lê Hiến Tông.

Tác phẩm có: - *Khoa bảng tiêu ký*⁽²⁾.

5. Phan Huy Quỳnh

Tác phẩm có: - *Lịch đại điển yếu*
- *Kinh sử tấu yếu*

- Phan gia thế phả

6. Phan Huy Thực

Tác phẩm có: - *Hoa thiều tạp vịnh*
- *Khuê Nhạc thi tập*
- *Tỳ bà hành diễn âm khúc*⁽³⁾
- *Nhân ảnh vấn đáp*
- *Bản nữ thân*

7. Phan Huy Chú

Tác phẩm có: - *Hoa thiều ngâm lục*
- *Hoa thiều tục ngâm*
- *Lịch triều hiến chương loại chí*
- *Hoàng Việt dư địa chí*
- *Dương trình ký kiến hay Hải trình chí lược*
- *Bình Định qui trạng*⁽⁴⁾

Thân mẫu của Giáo sư họ Cao (...) là thuộc dòng họ Cao ở làng Thịnh Mỹ, tổng Cao Xá, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An của Cao Xuân Dục (1842-1923): Học giả, nhà văn, nhà sử học, nhà văn hóa nổi tiếng của Việt Nam.

Ngoài ra, họ Cao này còn sản sinh ra những nhà văn hóa danh tiếng khác như: Cao Xuân Tiếu (1865-1939), Cao Xuân Huy (1900-1983), Cao Xuân Hạo (1930-2007)⁽⁵⁾, v.v...

Được sinh ra từ hai dòng họ cả nội và ngoại đều nổi tiếng, lại được nuôi dưỡng trong một gia đình có truyền thống hiếu học, đầy tình nhân ái, nên Giáo sư Phan Huy Lê sớm được định hình một nhân cách theo phong thái của các bậc Trí giả Việt Nam thuở xưa.

Theo tôi, Giáo sư Phan Huy Lê có những phẩm chất tốt đẹp đặc biệt và những đóng góp to lớn đối với lịch sử, văn hóa Việt Nam, như sau:

II. GIÁO SƯ PHAN HUY LÊ – MỘT NHÂN CÁCH LỚN

Như chúng ta đều biết: Nhân cách lớn của Giáo sư Phan Huy Lê có được, một phần chủ yếu là do Giáo sư tự mình nuôi dưỡng, phát triển trong một quá trình lâu dài, nhưng một phần quan trọng là do quê hương Nghệ Tĩnh và dòng họ Phan Huy tạo nên.

Sách *Đại Nam nhất thống chí* từng nhận xét: “Sĩ phu Nghệ - An [Hà Tĩnh] phần nhiều trọng khí tiết, có tính hào hiệp, hiếu học. Văn chương thì chuông cứng rắn, chứ không ưa hoa lệ”⁽⁶⁾.

Trong gần nửa thế kỷ vừa là học trò, vừa là đồng nghiệp, nhiều lần được làm việc với Giáo sư Phan Huy Lê, tôi nhận thấy ba đức tính nổi bật phản ánh nhân cách lớn ở Giáo sư, đó là *Thanh* 清 (thanh liêm, trong sạch) - *Thận* 慎 (thận trọng, cẩn thận) - *Cần* 勤 (chăm chỉ, cần mẫn).

Trong đó, với tư cách là một nhà sử học, thì hai đức tính: Thận và Cần đã làm nên tên tuổi của Sĩ gia Phan Huy Lê.

Theo tôi, thực ra ba đức tính trên đây cũng là những đức tính truyền thống trên con đường hoạn lộ của dòng họ Phan Huy của Giáo sư. Đầu phải là ngẫu nhiên, trong phần Nhân vật nổi tiếng của tỉnh Hà Tĩnh (thời Lê - Trịnh và Nguyễn), sử thần triều Nguyễn, tác giả sách *Đại Nam nhất thống chí* đã nhắc đến 6 người của dòng họ này!

Đại Nam nhất thống chí chép:

“Phan Huy Cận: Người Can Hoạch, huyện Can Lộc, đỗ Hương nguyên, lại đỗ Hội nguyên Tiến sĩ khoa Canh Thìn”⁽⁷⁾,

làm quan đến Tham tụng, Đồng Bình chương quân quốc trọng sự (tức Tế tướng - TG), rồi về trí sĩ.

Con ông là [Phan] Huy Ích, [Phan] Huy Ôn đều đỗ Hương nguyên. Huy Ích lại đỗ Hội nguyên Tiến sĩ. Huy Ôn cũng đỗ Tiến sĩ, đều làm quan to, họ hàng rất đông, đời nào cũng có người văn học. Sau đời ra xã Cổ Duyên, Sơn Tây.

Đến triều ta (chỉ triều Nguyễn - TG), có cha con quan Lễ bộ Thượng thư trí sĩ Phan Huy Thực, Phan Huy Vịnh, và quan Bố chánh sứ tỉnh Bình Định trí sĩ Phan Huy Dũng, đều là dòng dõi của ông”⁽⁸⁾.

Cũng cần nhấn mạnh thêm: Với tư cách một sử gia lớn của đất nước, Giáo sư Phan Huy Lê bao giờ cũng giữ vững một phương châm của sử học truyền thống, là: “*Chép thẳng, chép đúng sự thực, lịch sử*”. Giáo sư không bao giờ uốn cong ngòi bút, hoặc né tránh trước những vấn đề, những nhân vật còn đang tranh luận, thí dụ như các nhân vật: Nguyễn Hoàng, Alexandre de Rhodes, Phan Thanh Giản, Lê Văn Tám... chẳng hạn.

II. GIÁO SƯ PHAN HUY LÊ – MỘT SỬ GIA NỔI TIẾNG

Giáo sư Phan Huy Lê, trước hết là một sử gia hàng đầu của nước ta, rất nổi tiếng, có kiến thức uyên thâm và kiệt xuất.

Theo tôi, để trở thành một sử gia nổi tiếng, ngoài “điều kiện cần” là có nhân cách lớn, còn phải có “điều kiện đủ” là trước tác nhiều với số lượng lớn và có hàm lượng khoa học cao. Trong thời gian hơn 60 năm vừa giảng dạy, vừa nghiên cứu khoa học, Giáo sư Phan Huy Lê đã trước thuật tới 408 công trình, thuộc nhiều lĩnh vực như: Sử học, Khảo cổ học, Dân tộc học, Văn hóa học, Quản sự học, Địa danh học - lịch sử...⁽⁹⁾.

Trong sự nghiệp trước thư lập ngôn phong phú và đa dạng của Giáo sư - sử gia nổi tiếng Phan Huy Lê, nếu để trình bày một cách cụ thể, toàn diện, thiết tưởng cần phải viết cả một tập sách dày vài trăm trang mới đủ. Ở đây, tôi chỉ xin tìm hiểu một số lĩnh vực liên quan tới lịch sử cổ, trung đại Việt Nam là lĩnh vực Giáo sư Phan Huy Lê vừa là chuyên gia đầu ngành, vừa có nhiều đóng góp hơn cả.

Để tiện cho việc trình bày, tôi xin chia thành 4 mục chính như sau:

1. Giáo sư Phan Huy Lê với các vấn đề đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.
2. Giáo sư Phan Huy Lê với việc nghiên cứu liên ngành.
3. Giáo sư Phan Huy Lê với việc đánh giá nhân vật lịch sử.
4. Giáo sư Phan Huy Lê với việc tổng kết lịch sử và định hướng nghiên cứu cho thế hệ sau.

1. Giáo sư Phan Huy Lê với các vấn đề đặt ra trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước

Cũng như nhiều nhà sử học Việt Nam trước đó, Giáo sư Phan Huy Lê đã nhiều lần khẳng định: Sử học là một ngành nghiên cứu khoa học có liên quan mật thiết và trực tiếp với chính trị. Nhà sử học cần phải hiểu một cách rõ ràng nhất nhiệm vụ chính trị chủ yếu đương thời của dân tộc họ là gì? Chúng ta đều biết: Nhiệm vụ chính trị quan trọng nhất kể từ năm 1954 đến năm 1975 của dân tộc Việt Nam là: Đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền

Nam, thu non sông về một mối, thống nhất Tổ quốc.

Vì vậy, chúng ta không lấy gì làm lạ khi thấy rằng: Giáo sư Phan Huy Lê lại dành nhiều thời gian, trí tuệ, sức lực và tâm huyết để trình bày về các cuộc: Chiến tranh chống ngoại xâm, Chiến tranh giải phóng dân tộc, hay các cuộc khởi nghĩa... nhằm rút ra những kinh nghiệm đánh giặc của cha ông, phục vụ cho hiện tại, như: *Đặc điểm của phong trào nông dân Tây Sơn* (1959), *Tìm hiểu thêm về phong trào nông dân Tây Sơn* (1961), *Khởi nghĩa Lam Sơn và phong trào đấu tranh giải phóng đất nước vào đầu thế kỷ XV* (Đồng tác giả - 1969), *Chiến thắng Ngọc Hồi - Đầm Mực trong cuộc kháng chiến chống xâm lược Mãn Thanh* (1969), *Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, ngày 5 Tết Kỷ Dậu* (1974), v.v... Ở mỗi bài viết trên đây, Giáo sư Phan Huy Lê đều hướng tới mục đích: "Giáo dục truyền thống và công việc ấy thực sự đã phát huy được nhiều tác dụng to lớn, có sức cổ vũ, động viên mạnh mẽ đối với toàn thể quân dân ta trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước"⁽¹⁰⁾.

Từ sau năm 1975, vấn đề đoàn kết dân tộc được đặt ra một cách cấp bách trong công cuộc huy động sức lực toàn dân để xây dựng lại đất nước, đồng thời nhằm chống lại các thế lực phản động âm mưu chia rẽ dân tộc, kích động mâu thuẫn dân tộc, Giáo sư Phan Huy Lê đã viết một loạt bài bàn về vấn đề này, như: *Các dân tộc miền núi phía Bắc trong cuộc đấu tranh bảo vệ vùng biên cương của Tổ quốc thế kỷ XVII-XVIII* (Đồng tác giả - 1979-1980); *Sự hình thành dân tộc, một phạm trù lịch sử trong thời gian và không gian* (1980); *Qua 25 năm thảo luận vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam* (1981); *Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam* (1982); *Truyền thống và Cách mạng* (1983); *Về quá trình dân tộc trong lịch sử Việt Nam* (1990); *Truyền thống dân tộc trong công cuộc đổi mới và hiện đại hóa đất nước Việt Nam* (1995); *Chủ nghĩa yêu nước, truyền thống và hiện đại* (2002), v.v...

Ngoài ra, Giáo sư Phan Huy Lê còn đi sâu nghiên cứu, trình bày nhiều vấn đề mang tính thời sự, chính trị, nhằm phân bác lại những luận điệu của các thế lực phản động trong và ngoài nước, như: *Qua di tích khảo cổ học và thư tịch cổ, thử nhận diện nước Phù Nam* (2007); *Nam bộ thời cận đại trong bối cảnh chung của lịch sử Việt Nam* (2008); *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam bộ* (2008); *Nam bộ: không gian - tiếp cận - thành tựu* (2011), v.v... Hoặc khẳng định giá trị to lớn của khu Di tích lịch sử Hoàng thành Thăng Long, ở 18 Hoàng Diệu (Hà Nội), như: *Khu Di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội: Một di sản văn hóa mang giá trị toàn cầu* (2008)...

Bài viết và nhận định của Giáo sư Phan Huy Lê "Di tích trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội" trên đây, đã góp một tiếng nói quan trọng để UNESCO công nhận Di tích này là "Di sản Văn hóa Thế giới", vào ngày 1-8-2010.

2. Giáo sư Phan Huy Lê với việc nghiên cứu liên ngành

Có thể nói, trong ngành Khoa học xã hội và Nhân văn, thì nghiên cứu lịch sử nói chung và nghiên cứu lịch sử cổ trung đại Việt Nam nói riêng, yêu cầu nhà khoa học phải có kiến thức liên ngành. Giáo sư Phan Huy Lê chính là hình mẫu của một nhà sử học có kiến thức liên ngành, vừa có

bề rộng, vừa có chiều sâu, mà rất ít người trong giới nghiên cứu sử học Việt Nam sánh kịp. Ngoài sử học ra, Giáo sư Phan Huy Lê tỏ ra nắm rất chắc kiến thức về: Khảo cổ học, Dân tộc học, Văn hóa học... và đặc biệt về Quân sự học, v.v...

Phó Giáo sư - Tiến sĩ Tống Trung Tín, nguyên Viện trưởng Viện Khảo cổ học viết về "Nhà sử học - Nhà khảo cổ học - Giáo sư Phan Huy Lê", như sau: "Theo tôi nghĩ: Giáo sư Phan Huy Lê, trước hết là nhà sử học lớn nhất Việt Nam trong suốt bốn thập kỷ cuối thế kỷ XX và những thập niên đầu thế kỷ XXI. Theo tôi hiện nay (tức năm 2014 - TG), Giáo sư vẫn đang giữ quán quân về kỷ lục đó... Giáo sư Phan Huy Lê còn đạt một kỷ lục nữa: Nhà sử học kết hợp nhuần nhuyễn các thành tựu sử học và khảo cổ học thành công bậc nhất trong giới sử học Việt Nam hiện đại. Do vậy, tôi muốn tôn vinh: Giáo sư là nhà sử học - khảo cổ học..."⁽¹¹⁾.

Chúng ta nhận thấy trong các bài nghiên cứu về: *Xã hội thời Hùng Vương* (1974); *Truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam* (1976); *Về nền Văn hóa truyền thống Việt Nam* (1981); *Thờ cúng vua Hùng, sức sống và tính lan tỏa của tín ngưỡng dân gian độc đáo* (2012), v.v... Giáo sư Phan Huy Lê tỏ rõ sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa kiến thức Dân tộc học, Văn hóa học với Sử học như thế nào.

Về kiến thức Quân sự học, ở sử gia Phan Huy Lê, thiết tưởng, không có gì đáng cho chúng ta ngạc nhiên. Nói chung, để có thể nghiên cứu và trình bày về các cuộc chiến tranh trong lịch sử, một cách khoa học, tất yếu nhà sử học phải đọc các sách *Binh thư*, đặc biệt là "*Tôn tử binh pháp*" (Tôn Tử) của Trung Quốc và "*Binh thư yếu lược*" (Trần Quốc Tuấn), "*Hồ trướng khu cơ*" (Đào Duy Từ) của Việt Nam. Theo tôi, chỉ cần đọc các bài viết của Giáo sư Phan Huy Lê như: *Những điểm cần lưu ý trong nghiên cứu học thuyết quân sự Việt Nam* (1996); *Đôi điều suy nghĩ về học thuyết quân sự Việt Nam phải đặt trong tiến trình lịch sử, văn hóa Việt Nam với những đặc điểm cụ thể của nó* (1997); *Thay đổi cách đánh, một nhân tố quyết định thắng lợi trận Điện Biên Phủ* (2004); *Đại tướng Võ Nguyên Giáp, vị tướng huyền thoại, nhà sử học, nhà văn hóa* (2013)... cũng đủ thấy Giáo sư nắm vững kiến thức Quân sự học phương Đông như thế nào.

3. Giáo sư Phan Huy Lê với việc đánh giá nhân vật lịch sử

Tôi đọc các tác phẩm sử học của Giáo sư Phan Huy Lê, nhận thấy Giáo sư là người rất coi trọng sử liệu và phương pháp khảo chứng sử liệu học. Trong luận văn *Tinh khách quan, trung thực của khoa học lịch sử*, Giáo sư Phan Huy Lê viết: "Sử học tiếp cận đối tượng qua các nguồn sử liệu và bằng những lý luận, phương pháp khoa học để phục dựng lại quá khứ, rồi phân tích, lý giải để cố gắng nhận thức đúng sự thực lịch sử. Khách quan, trung thực, tôn trọng sự thật lịch sử, đó là những yêu cầu khoa học luôn đặt ra cho sử học và các nhà sử học"⁽¹²⁾.

Mọi người đều biết: "Viết sử là một nghề", được người Pháp gọi là Métier d'historien. Đã là làm nghề, thì phải luôn luôn nghĩ tới việc rèn luyện tay nghề, tức phải chịu khó đọc

Đại tướng Võ Nguyên Giáp
và Giáo sư sử học Phan Huy Lê.
Ảnh: Tư liệu



sách viết về phương pháp sử học. Trong phương pháp sử học có hai bước cơ bản: Bước thứ nhất là từ sử liệu, ta sẽ khôi phục sự kiện, miêu thuật lại lịch sử; Bước thứ hai là ta phải giải thích và đánh giá sự kiện, đánh giá nhân vật lịch sử...

Như vậy, chúng ta thấy: Đánh giá nhân vật lịch sử là “Bước thứ hai” của nghề viết sử. Là một nhà sử học lớn, chuyên gia nghiên cứu hàng đầu về lịch sử cổ, trung đại Việt Nam, Giáo sư Phan Huy Lê, đương nhiên rất quan tâm đến việc đánh giá các nhân vật lịch sử trong quá khứ. Giáo sư Phan Huy Lê viết: “Lịch sử, trong đó có các nhân vật lịch sử, là đối tượng nhận thức của sử học. Sử học trong nghiên cứu cũng như trong phương pháp luận của nó, trong hoài bão của các nhà sử học và trong xu hướng phát triển của khoa học, luôn luôn mong muốn tiếp cận đối tượng một cách khách quan, nhận thức chính xác và đánh giá đúng đắn các diễn biến, các sự kiện, các nhân vật lịch sử...”⁽¹³⁾.

Trong toàn bộ sự nghiệp nghiên cứu lịch sử của mình, Giáo sư Phan Huy Lê dành rất nhiều thời gian và tâm huyết cho việc nhận thức và đánh giá các nhân vật lịch sử, như: *Nguyễn Trãi, Quân trung từ mệnh tập* (1961); *Đô đốc Đông Lĩnh hầu Đặng Tiến Đông* (1973); *Lê Hữu Trác - ước mơ - nghị lực - sáng tạo* (1974); *Nguyễn Tuấn Thiện* (tức Lê Thiện) (1981); *Vẽ dòng họ Phan Huy ở Sài Sơn* (1983); *Nguyễn Xi* (1984); *Lê Lợi - Sự nghiệp cứu nước và dựng nước* (1984); *Quang Trung - Nguyễn Huệ: Thiên tài và sự nghiệp* (1992); *Nguyễn Bình Khiêm và thời đại của ông* (1991); *Vũ Phạm Khải - trong bối cảnh lịch sử của đất nước và thời đại* (1992); *Cải cách Hồ Quý Ly và sự thất bại của triều Hồ* (1992); *Lê Thánh Tông trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Đại Việt thế kỷ XV* (1992); *Lý Long Tường và họ Lý ở Hàn Quốc* (1994); *Về những cống hiến Văn hóa của Alexandre de Rhodes (1593-1660)* (1994); *Phan Huy Chú: Hải trình chí lược* (1994); *Nhà Mạc và dòng họ Mạc trong lịch sử* (1996); *Nùng Trí Cao, nhân vật lịch sử và biểu tượng văn hóa* (1996); *Phan Thanh Giản: Con người, sự nghiệp và bi kịch cuối đời* (1998); *Ngô Sĩ Liên và Đại Việt sử ký toàn thư* (1998); *Vua Lý Thái Tổ và vương triều Lý trong lịch sử dân tộc* (2000); *Trần Nhân Tông và Thiên phái Trúc Lâm* (2001); *Nguyễn Thị Lộ - một nữ sĩ tài hoa, một nỗi oan bi thảm* (2003); *Phò mã Thân Cảnh Phúc trong kháng chiến chống Tống thế kỷ XI* (2004); *Khởi nghĩa Mai Thúc Loan - những vấn đề cần xác minh* (2009); *Danh nhân Nguyễn Trung Ngạn* (2009); *Ứng Hòa Nguyễn Văn Tố* (2009); *Về câu chuyện Lê Văn Tám* (2009); *Tướng Cao Lỗ thời dựng nước* (2013)...

Vấn đề được đặt ra là: Lấy gì làm cơ sở, làm thước đo mà đánh giá một nhân vật lịch sử?

Về vấn đề này, Giáo sư Phan Huy Lê viết: “Đánh giá một nhân vật lịch sử, một con người, nói chung đã là một vấn đề phức tạp và tinh tế, đòi hỏi nhà khoa học phải đặt nhân vật lịch sử đó vào bối cảnh lịch sử cụ thể, với tất cả mối quan hệ phức tạp của hoàn cảnh gia đình, văn hóa, xã hội, điều kiện hoạt động và nhất là yêu cầu phát triển của đất nước trong xu thế chung của thời đại và khu vực, để phân tích và nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện, và thỏa đáng về mặt công lao, cống hiến, mặt tích cực cũng như mặt hạn chế và tiêu cực”⁽¹⁴⁾.

Tôi đã đọc hầu hết các bài viết trên đây, nhận thấy Giáo sư Phan Huy Lê đều có những nhận định, đánh giá hết sức công tâm, khách quan, xác đáng và thấu tình đạt lý.

4. Giáo sư Phan Huy Lê với việc tổng kết lịch sử và định hướng nghiên cứu cho thế hệ sau

Có thể nói trong thời gian khoảng trên 60 năm trở lại đây, trong giới sử học Việt Nam, không mấy ai có đủ uy tín học thuật, để thay Giáo sư Phan Huy Lê gánh vác công việc tổng kết những cuộc thảo luận về nhiều vấn đề thuộc lịch sử cổ, trung đại Việt Nam. Ở đây, tôi chỉ xin điểm lại một số cuộc tranh luận, thảo luận học thuật trong một thời gian khá dài, như:

- Lịch sử Việt Nam có hay không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ?
- Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam diễn ra như thế nào?
- Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang thời Hùng Vương diễn ra như thế nào?
- Nền “Văn minh của người Việt cổ”, hay nền “Văn minh sông Hồng” có tồn tại hay không?
- Văn hóa Sa Huỳnh và sự hình thành nước Lâm Ấp diễn ra như thế nào?
- Văn hóa Óc Eo và Nhà nước Phù Nam có mối quan hệ như thế nào?
- v.v...

Mọi người đều biết những vấn đề nêu trên đều thuộc những vấn đề khả học búa, của lịch sử cổ, trung đại Việt Nam. Nhiều vấn đề được giới sử học trong và ngoài nước

đặt ra thảo luận có khi kéo dài đến vài ba năm, thậm chí còn lâu hơn thế nữa, thí dụ như: Vấn đề Lịch sử Việt Nam có hay không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ?, hay Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam diễn ra như thế nào?, Quá trình hình thành Nhà nước Văn Lang thời Hùng Vương diễn ra như thế nào?...

Ở đây, nếu trình bày và trích dẫn tất cả những ý kiến có tính chất tổng kết của Giáo sư Phan Huy Lê về các cuộc thảo luận trên đây, thì sẽ quá dài, mà dung lượng của một bài báo khoa học không cho phép. Tôi chỉ xin đơn cử hai cuộc thảo luận về hai vấn đề rất quan trọng của lịch sử Việt Nam, là:

- Lịch sử Việt Nam có trải qua thời kỳ chiếm hữu nô lệ không?

- Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ?

Vấn đề chiếm hữu nô lệ trong lịch sử Việt Nam là do Ban Văn Sử Địa nêu lên từ năm 1954, và trở thành đề tài tranh luận sôi nổi trong 2 năm 1959-1960.

Vấn đề này, lúc bấy giờ có 2 khuynh hướng đối lập:

1. Chủ trương có chế độ nô lệ, đại biểu là Văn Tấn, Nguyễn Đông Chi, Nguyễn Lương Bích, Nguyễn Hồng Phong, ở Viện Sử học.

2. Chủ trương không có chế độ nô lệ, đại biểu là Đào Duy Anh và các học trò của Giáo sư là: Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn, ở Khoa Lịch sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

Có điều, lúc bấy giờ, từ năm 1958, Giáo sư Đào Duy Anh đã chuyển về công tác tại Viện Sử học. Chính vì công tác tại Viện Sử học, Giáo sư Đào Duy Anh không thể có ý kiến dứt khoát, ngược lại với ý kiến của Viện Sử học. Sau này, Giáo sư Đào Duy Anh tâm sự với các học trò của mình tham gia cuộc thảo luận như sau: "... Quả thực trong cuộc tọa đàm ấy, ý kiến của tôi không dứt khoát. Là cán bộ mới vì kỷ luật mà bị điều động sang Viện Sử học, tôi ở trong cái tâm trạng là phát biểu ý kiến thế nào cho xong chuyện, làm sao cho khỏi lụy thêm, do đó tôi không bác ý kiến có thể nói là chính thức của Viện Sử học mà chỉ nói nước đôi rằng: "... nước Âu Lạc có khả năng là một nhà nước chiếm hữu nô lệ... có thể là trình độ phát triển của chế độ nô lệ vẫn còn ở sơ kỳ..."⁽¹⁵⁾.

Và như chúng ta đều biết, Giáo sư Phan Huy Lê đã đóng vai trò là người phát ngôn chính thay Giáo sư Đào Duy Anh chủ trương trong lịch sử Việt Nam không có thời kỳ chiếm hữu nô lệ được đăng ở luận văn: Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam, trên Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 16, tháng 7-1960.

Vấn đề Dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ?. Đây cũng là một vấn đề rất cơ bản của lịch sử Việt Nam.

Cuộc thảo luận về chủ đề này bắt đầu từ năm 1955, với những bài viết đăng trên các tạp chí: *Văn Sử Địa*, *Nghiên cứu Lịch sử* và *Đại học Sư phạm*. Những người đi đầu trong cuộc thảo luận này là: Giáo sư Đào Duy Anh, Nhà sử học Minh Tranh, Nhà sử học Nguyễn Lương Bích, Giáo sư Hoàng Xuân Nhị... Một số nhà sử học nước ngoài cũng tham gia cuộc thảo luận, như: Nhà sử học Nga A.A.Gouber, Nhà sử học Pháp J.Chesneaux... Cuộc thảo luận kéo dài tới 25 năm, từ năm 1955 đến năm 1980. Vào những thập niên

70 đến 80 của thế kỷ XX, ngoài những tác giả vừa kể trên, còn có thêm những nhà khoa học thuộc các bộ môn như: Sử học, Khảo cổ học, Dân tộc học, Văn hóa dân gian, Ngôn ngữ học..., như: Giáo sư Phan Huy Lê, Giáo sư Hà Văn Tấn, Giáo sư Đặng Nghiêem Vạn, Giáo sư Đinh Gia Khánh, Nhà nghiên cứu Bùi Khánh Thế, v.v...

Vận dụng một cách linh hoạt định nghĩa Dân tộc của J.V.Xtalin nêu lên trong Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, Giáo sư Đào Duy Anh trước đó và Giáo sư Phan Huy Lê sau này, đã xem xét 4 đặc trưng hình thành "Dân tộc" (theo J.V.Xtalin) là Tiếng nói, Địa vực cư trú, Đời sống kinh tế và Tâm lý biểu hiện trong cộng đồng văn hóa, để đi đến khẳng định "Dân tộc Việt Nam đã có thể hình thành từ đời Lê"⁽¹⁶⁾ (tức thế kỷ XV - TG).

Điều đáng ghi nhận là quan điểm đó của Giáo sư Đào Duy Anh và Giáo sư Phan Huy Lê, càng ngày càng được giới khoa học nước ta ủng hộ, tuy rằng về mặt lý luận và cả về mặt thực tế lịch sử còn nhiều vấn đề cần đặt ra để tiếp tục nghiên cứu.

Theo tôi, một trong những cống hiến quan trọng vào việc định hướng nghiên cứu cho thế hệ sau của Giáo sư Phan Huy Lê là Giáo sư đã đề xuất việc trình bày Lịch sử Việt Nam theo quan điểm: *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện*.

Theo Giáo sư Phan Huy Lê, chúng ta cần nhận định: "Lịch sử Việt Nam là lịch sử của các cộng đồng quốc gia, cộng đồng cư dân, tộc người đã từng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, vào quá trình sáng tạo và bảo tồn văn hóa Việt Nam..."⁽¹⁷⁾.

Về *quan điểm đa tuyến*, theo Giáo sư Phan Huy Lê thì: "Nhiều giáo trình và bộ *Lịch sử Việt Nam* cho đến gần đây (tính đến năm 2012 - TG), vẫn quen trình bày lịch sử Việt Nam từ khi hình thành Nhà nước đầu tiên theo một dòng từ Văn hóa Đông Sơn với nước Văn Lang - Âu Lạc thời Hùng Vương - An Dương Vương qua Vạn Xuân thời Bắc thuộc, Đại Cồ Việt thời Đinh - Tiền Lê đến Văn hóa Thăng Long với nước: Đại Việt thời Lý - Trần - Hậu Lê rồi Việt Nam, Đại Nam thời Nguyễn, cho đến nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay. Quan điểm này thường được gọi là Quan điểm đơn tuyến trong nhận thức lịch sử Việt Nam. Dĩ nhiên, đó là dòng chủ lưu của lịch sử và văn hóa Việt Nam, nhưng bên cạnh đó còn có những dòng bổ sung và hội nhập của Văn hóa Sa Huỳnh - Chăm-pa với nước Chăm-pa ở miền Trung, Văn hóa Óc Eo với nước Phù Nam, rồi lịch sử tiếp theo ở miền Nam. Lịch sử Việt Nam trình bày theo đơn tuyến là chưa phù hợp với thực tế lịch sử và dẫn đến một hệ quả nhận thức là tạo nên một khoảng trống vắng trong lịch sử miền Trung và miền Nam, từ sau thời Tiền sử cho đến khi người Việt di cư vào khai khẩn vùng đất này và gạt bỏ lịch sử, văn hóa Sa Huỳnh - Chăm-pa cùng Óc Eo - Phù Nam ra khỏi lịch sử và văn hóa Việt Nam"⁽¹⁸⁾. Và theo Giáo sư Phan Huy Lê: "Việc trình bày Lịch sử Việt Nam cần nghiên cứu để tìm ra một bố cục trong quan niệm đa tuyến với tuyến chủ lưu giữ vai trò chi phối của lịch sử là dòng văn hóa Đông Sơn với Văn Lang - Âu Lạc, nhưng không thể bỏ qua những tuyến bổ sung, hội nhập khác"⁽¹⁹⁾.

Về *quan điểm toàn bộ*, theo Giáo sư Phan Huy Lê: Việt Nam từ khi lập quốc cho đến nay là một quốc gia đa tộc

người, một cộng đồng cư dân gồm nhiều tộc người. Hiện nay, Việt Nam có 54 dân tộc, trong đó người Kinh (hay Việt) chiếm hơn 86% dân số, còn 53 dân tộc thiểu số chiếm khoảng trên 13% dân số. Vì thế, khi trình bày Lịch sử Việt Nam, phải trình bày lịch sử của tất cả các tộc người đã từng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam. Lịch sử Việt Nam còn phản ánh tính đa tộc người của cộng đồng cư dân Việt Nam qua tiến trình lịch sử và sự thống nhất trong tính đa dạng của văn hóa Việt Nam về mặt cấu trúc văn hóa – tộc người cũng như về các vùng địa – văn hóa. Đó là một phương diện quan trọng về tính toàn bộ của lịch sử Việt Nam⁽²⁰⁾.

Về *quan điểm toàn diện*, theo Giáo sư Phan Huy Lê, thì: “... Trước đây, nhiều bộ *Lịch sử Việt Nam* trình bày quá nhiều về lịch sử chống ngoại xâm, tạo nên một nhận thức không đầy đủ về lịch sử dân tộc, làm lẫn át lịch sử xây dựng đất nước, lịch sử kinh tế, văn hóa, xã hội, cùng đời sống của nhân dân...”. Giáo sư Phan Huy Lê cho rằng: “Bên cạnh lịch sử chống ngoại xâm, cần coi trọng lịch sử xây dựng đất nước, lịch sử chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để dựng lại một bức tranh toàn cảnh về lịch sử Việt Nam, qua từng thời kỳ lịch sử cụ thể”⁽²²⁾.

Với đề xuất về *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện* của Giáo sư Phan Huy Lê, đã được Ban Chỉ đạo Nghiên cứu và biên soạn bộ *Lịch sử Việt Nam – 25 tập* (tức bộ *Quốc sử*) chấp thuận và áp dụng vào việc trình bày lịch sử Việt Nam trong bộ *Quốc sử* này⁽²³⁾.

III. GIÁO SƯ PHAN HUY LÊ – BẬC DANH SƯ CỦA NỀN SỬ HỌC VIỆT NAM

Có thể nói: Giáo sư Phan Huy Lê là bậc thầy của hàng nghìn người làm công tác nghiên cứu sử học nói riêng và nghiên cứu văn hóa nói chung, sống và làm việc trên suốt chiều dài của đất nước Việt Nam ngày nay. Hầu hết các chuyên gia đầu ngành về: Sử học, Khảo cổ học, Dân tộc học... trong độ tuổi từ 60 đến 80 ở nước ta hiện nay đều là học trò của Giáo sư. Không chỉ ở trong nước, mà ở cả ngoài nước, như: Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Mỹ, Đức, Canada, Xingapo, Ôxtrâyliya, v.v... cũng nhiều người hoặc là học trò trực tiếp, hoặc là người được Giáo sư Phan Huy Lê hướng dẫn nghiên cứu về một chuyên đề lịch sử Việt Nam nào đó. Trong đó, có thể kể tên một vài học giả nổi tiếng như: Giáo sư Lương Chí Minh (Trung Quốc), Giáo sư A.B.Polyakov (Nga), Giáo sư Philippe Papin (Pháp), Giáo sư Olivier Tessier (Pháp), v.v...⁽²⁴⁾.

Có một điều, mỗi khi tôi nghĩ về Giáo sư Phan Huy Lê ở vai trò một Nhà giáo, một bậc Danh sư, thì nhận thấy dường như Giáo sư vẫn còn gìn giữ được những phẩm chất tốt đẹp của các Bậc Thầy đạo cao, đức trọng thuở xưa của nước ta như: Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Thiếp, Bùi Huy Bích, Phạm Quý Thích, Vũ Tông Phan, Võ Trường Toản, v.v...

Xuất thân từ một gia tộc vào hàng danh Nho nổi tiếng của Nghệ Tĩnh, có thể dễ nhận thấy từ phong thái đến tính cách, Giáo sư Phan Huy Lê toát ra thần thái của một Bậc Thầy – vừa uy nghi đáng kính, vừa thuần hòa đáng mến.

Có thể nói, Giáo sư Phan Huy Lê là một Nhà giáo xứng đáng tiếp nối truyền thống các Bậc Danh sư đạo cao, đức

trọng trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam, vừa kể trên.

Các vị đều là những Bậc Thầy tiêu biểu, với những phẩm chất tốt đẹp, đó là: “*Học nhi bất yếm, hối nhân bất quyện*” 學而不厭, 誨人不倦 (Học không biết chán, dạy người không biết mệt mỏi) (*Luận Ngữ - Thuật nhi*). ■

Tháng 01 năm 2024

CHÚ THÍCH

1. Cao Xuân Dục (1961), *Quốc triều đăng khoa lục*, Trung tâm Học liệu – Bộ Văn hóa – Giáo dục và Thanh niên XB, Sài Gòn, tr.264.
2. Đây là theo: Phan Huy Lê (2015), *Di sản Văn hóa Việt Nam dưới góc nhìn lịch sử*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.813. Nhưng theo Trần Văn Giáp, tập 1, tr.103, thì Phan Huy Sáng là đồng tác giả sách *Liệt truyện đăng khoa khảo* với anh trai là Phan Huy Ôn.
3. *Tỳ bà hành* 琵琶行 (Bài hành về Tiếng đàn Tỳ bà), nguyên tác của Thi hào Bạch Cư Dị (772-846) thời Trung Đường của Trung Quốc. Bạch Cư Dị sáng tác *Tỳ bà hành*, theo thể *Thất ngôn trường thiên*, toàn bài có 88 câu thơ 7 chữ:
Tám Dương giang đầu hạ tống khách
Phong điệp địch hoa thu sắt sắt...
Phan Huy Thực dịch một cách tài hoa sang thể *Song thất lục bát*, vẫn giữ nguyên 88 câu thơ: *Bến Tám Dương cảnh khuya đưa khách*
Quạnh hơi thu lau lách đầu hiu...
4. Phan Huy Lê (2015), *Di sản Văn hóa Việt Nam – dưới góc nhìn lịch sử*, Sdd, tr.813-814.
5. Bốn danh nhân văn hóa kể trên là cùng sinh ra trong một gia đình: Cao Xuân Dục là cha Cao Xuân Tiến, là ông nội Cao Xuân Huy và là cụ nội Cao Xuân Hạo.
6. *Đại Nam nhất thống chí* (2012), Nxb Lao động – Trung tâm Văn hóa – Ngôn ngữ Đông Tây. Bản dịch của Hoàng Văn Lâu, Hà Nội, tập 1, tr.783.
7. Sứ gia triều Nguyễn chép nhầm, thực ra: *Phan Huy Cận* (1733-1800) 22 tuổi đỗ Hội nguyên, Tiến sĩ khoa *Giáp Tuất* (1754) đời Lê Hiến Tông.
8. *Đại Nam nhất thống chí* (2012), Sdd, tập 1, tr.754-755.
9. Xem: *Danh mục các công trình khoa học của Giáo sư Phan Huy Lê*, trong sách Trần Văn Thọ – Nguyễn Quang Ngọc – Philippe Papin (chủ biên – 2014), *Nhân cách sử học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.793-827.
10. Phan Huy Lê (2011), *Truyền thống và Cách mạng*, trong *Tim về cội nguồn*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.1335.
11. Tống Trung Tín (2014), Giáo sư Phan Huy Lê: Nhà sử học – Nhà khảo cổ học, trong sách *Nhân cách sử học*, Sdd, tr.664.
12. Phan Huy Lê (1995), *Tim về cội nguồn*, Sdd, tr.304.
13. Phan Huy Lê (1994), *Về những cống hiến Văn hóa của Alexandre de Rhodes* (1593-1660), trong *Tim về cội nguồn*, Sdd, tr.1178.
14. Phan Huy Lê (1997), *Phan Thanh Giản* (1796-1867): Con người, sự nghiệp và bi kịch cuối đời, trong *Tim về cội nguồn*, Sdd, tr.1247.
15. Phan Huy Lê, *Giáo sư Đào Duy Anh và một số vấn đề lịch sử cổ - trung đại Việt Nam*, Tạp chí *Xưa - Nay*, số 213, tháng 6-2004, tr.9.
16. Phan Huy Lê (2012), *Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam*, trong *Tim về cội nguồn*, Sdd, tr.403-405.
17. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.11.
18. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Sdd, tr.11, 12.
19. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Sdd, tr.11, 12.
20. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Sdd, tr.13, 14.
21. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Sdd, tr.17.
22. Phan Huy Lê (2012), *Tính đa tuyến, toàn bộ, toàn diện của lịch sử Việt Nam*, trong *Lịch sử và văn hóa Việt Nam – tiếp cận bộ phận*, Sdd, tr.17.
23. Bộ *Lịch sử Việt Nam (Quốc sử) – 25 tập và Biên niên lịch sử Việt Nam – 5 tập*, đã được các tác giả biên soạn xong và được Hội đồng Nghiên cứu cấp Quốc gia, nghiệm thu vào khoảng đầu năm 2020. Toàn bộ Bản thảo 30 tập lịch sử trên đây đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận.
24. Xem: Trần Văn Thọ – Nguyễn Quang Ngọc – Philippe Papin (chủ biên – 2014), *Nhân cách sử học*, Sdd.